

PHỤ LỤC 02b

Hiện trạng tài sản công là trụ sở làm việc trước thời điểm sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính

Tên đơn vị báo cáo: UBND XÃ THIỆN TÍN

(Kèm theo Báo cáo số 470/BC-UBND ngày 31/7/2026 của UBND xã Thiện Tín)

ĐVT: Diện tích: m²; Giá trị: triệu đồng

STT	Cơ quan, tổ chức/nhóm đơn vị	Số trụ sở làm việc	Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
1	Cấp tỉnh								
	Tổng cộng								
2	Cấp xã								
	Tổng cộng	28	67.255,70	14.020,03	23.603,44	142.743,27	97.941,31		
2.1	Trường MN Hành Tín Đông	4	2.425,00	1.134,03	1.876,44	6.553,30	2.369,30		
	Đất	4	2.425,00	-	-	2.369,30	2.369,30		
	Đất Điểm trường Khánh Giang, xã Thiện Tín, tỉnh Quảng Ngãi	1	335,00			201,00	201,00	Đang sử dụng	
	Đất Điểm trường Đồng Giũa, xã Thiện Tín, tỉnh Quảng Ngãi	1	1.153,00			1.844,80	1.844,80	Đang sử dụng	
	Đất Điểm trường Ruộng Vỡ, Xã Thiện Tín, tỉnh Quảng Ngãi	1	245,00			73,50	73,50	Đang sử dụng	
	Đất Điểm trường mầm non liên thôn Nhơn Lộc 1 và Nhơn Lộc 2	1	692,00			250,00	250,00	Không sử dụng	

STT	Cơ quan, tổ chức/nhóm đơn vị	Số trụ sở làm việc	Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
	Nhà	4		1.134,03	1.876,44	4.184	0		
	Dãy phòng học điểm trường Khánh Giang, xã Thiện Tín, tỉnh Quảng Ngãi	1		88,50	88,50	1.000,00	0	Đang sử dụng	
	Dãy phòng học điểm trường Đồng Giũa, xã Thiện Tín, tỉnh Quảng Ngãi	1		742,41	1.484,82	2.180,00	0	Đang sử dụng	
	Dãy phòng học điểm trường Ruộng Vỡ, xã Thiện Tín, tỉnh Quảng Ngãi	1		57,12	57,12	700,00	0	Đang sử dụng	
	Dãy phòng học điểm trường mầm non liên thôn Nhơn Lộc 1 và Nhơn Lộc 2	1		204,00	204,00	250,00	0	Đang sử dụng	
	Nhà xe điểm trường Đồng Giũa, xã Thiện Tín, tỉnh Quảng Ngãi			42,00	42,00	54,00	0	Đang sử dụng	
2.2	Trường MN Hành Thiện	3	6.634,30	825,00	825,00	11.736,20	10.256,07		
	Đất	3	6.634,30	-	-	6.311,20	6.311,20		
	Đất làm trụ sở làm việc tại thôn Bàn Thới, Xã Hành Thiện, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi	1	3.949,30			5.923,95	5.923,95	Đang sử dụng	

STT	Cơ quan, tổ chức/nhóm đơn vị	Số trụ sở làm việc	Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
	Đất làm trụ sở làm việc tại Thôn Phú Lâm Tây, Xã Hành Thiện, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi	1	1.472,00			205,30	205,30	Đang sử dụng	
	Điểm trường Mầm non Gò tre, thôn Ngọc Sơn	1	1.213,0			181,95	181,95	Sử dụng được, không sử dụng	
	Nhà	2	-	825,00	825,00	5.425,00	3.944,87		
	Dãy phòng học, nhà bếp, nhà xe, công trình vệ sinh, phòng khác điểm Phú Lâm Tây, Hành Thiện, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi đã sửa chữa năm 2024	1		115,00	115,00	1.425,00	1.064,87	Đang sử dụng	
	Dãy phòng học, phòng làm việc, phòng bộ môn, nhà bếp, công trình khác điểm trường trung tâm thôn Bàn Thới, Hành Thiện, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	1		710,00	710,00	4.000,00	2.880,00	Đang sử dụng	
2.3	Trường MN Hành Tín Tây	3	3.924,30	940,00	940,00	5.044,86	2.627,92		
	Đất	3	3.924,30	-	-	784,86	784,86		
	Đất tại thôn Đồng Miếu	1	2.894,70			578,94	578,94	Đang sử dụng	
	Đất tại thôn Trũng Kè 1	1	730,3			146,06	146,06	Đang sử dụng	
	Đất tại thôn Trũng Kè 2	1	299,3			59,86	59,86	Đang sử dụng	

STT	Cơ quan, tổ chức/nhóm đơn vị	Số trụ sở làm việc	Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
	Nhà	9		940,00	940,00	4.260,00	1.843,06		
	Phòng học điểm trung tâm (4p)	1		430,00	430,00	1.380,00	367,49	Đang sử dụng	
	Phòng học điểm thôn Trũng Kè 1	1		80,00	80,00	280,00	74,56	Đang sử dụng	
	Phòng học điểm thôn Trũng Kè 2	1		80,00	80,00	500,00	225,00	Đang sử dụng	
	Nhà bếp	1		50,00	50,00	350,00	196,00	Đang sử dụng	
	Phòng học điểm trung tâm 01	1		60,00	60,00	350,00	196,00	Đang sử dụng	
	Phòng học điểm trung tâm 02	1		60,00	60,00	350,00	196,00	Đang sử dụng	
	Phòng học điểm trung tâm 03	1		60,00	60,00	350,00	196,00	Đang sử dụng	
	Phòng học điểm trung tâm 04	1		60,00	60,00	350,00	196,00	Đang sử dụng	
	Phòng học điểm trung tâm 05	1		60,00	60,00	350,00	196,00	Đang sử dụng	
2.4	Trường Tiểu học Hành Tín Đông	2	5.022,00	1.394,00	2.098,00	8.744,64	4.832,91		
	Đất	2	5.022,00			3.984,40	3.984,40		
	Đất tại điểm trường thôn Đồng Giữa	1	1.906,00	-	-	3.049,60	3.049,60	Đang sử dụng	
	Đất tại điểm trường Khánh Giang	1	3.116,00	-	-	934,80	934,80	Đang sử dụng	
	Nhà	16		1.394,0	2.098,0	4.760,24	848,51		
	Dãy phòng chức năng điểm Trung tâm (Seqap)	1		64,00	64,00	200,00	53,26	Đang sử dụng	

STT	Cơ quan, tổ chức/nhóm đơn vị	Số trụ sở làm việc	Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
	Nhà vệ sinh học sinh điểm Trung tâm	1		30,00	30,00	78,83	10,48	Đang sử dụng	
	Nhà vệ sinh giáo viên điểm Trung tâm	1		30,00	30,00	78,83	10,48	Đang sử dụng	
	Nhà xe học sinh điểm Trung tâm	1		72,00	72,00	86,50	11,50	Đang sử dụng	
	Nhà xe giáo viên điểm Trung tâm	1		48,00	48,00	69,25	13,82	Đang sử dụng	
	Phòng học đơn cấp 4A (Hướng Nam) điểm Trung tâm	1		64,00	64,00	200,00	0	Đang sử dụng	
	Dãy phòng học 2 lầu điểm Trung tâm hướng Nam (6P)	1		195,00	390,00	900,00	0	Đang sử dụng	
	Dãy phòng học 2 lầu điểm Trung tâm hướng Bắc (8P)	1		269,00	522,00	1.600,00	384,00	Đang sử dụng	
	Dãy phòng học điểm Khánh Giang (6P)	1		192,00	448	760,00	273,60	Đang sử dụng	
	Dãy phòng chức năng điểm Khánh Giang (Seqap)	1		64,00	64,00	200,00	53,26	Đang sử dụng	
	Nhà vệ sinh học sinh điểm Khánh Giang	1		52,00	52,00	89,17	11,85	Đang sử dụng	
	Nhà vệ sinh giáo viên điểm Khánh Giang	1		52,00	52,00	89,17	11,85	Đang sử dụng	
	Nhà xe học sinh điểm Khánh Giang	1		40,00	40,00	54,25	7,21	Đang sử dụng	
	Nhà xe giáo viên điểm Khánh Giang	1		30,00	30,00	54,25	7,21	Đang sử dụng	
	Phòng học 1 cấp 4 điểm Khánh Giang	1		96,00	96,00	150,00	0	Đang sử dụng	

STT	Cơ quan, tổ chức/nhóm đơn vị	Số trụ sở làm việc	Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
	Phòng học 2 cấp 4 điểm Khánh Giang	1		96,00	96,00	150,00	0	Đang sử dụng	
2.5	Trường Tiểu học Hành Tín Tây	3	6.766,50	1.112,00	1.592,00	6.402,55	2.276,41		
	Đất	3	6.766,50			442,55	442,55		
	Đất tại Điểm Trường Trung Tâm, Thôn Phú Thọ	1	3.559,0			240,39	240,39	Đang sử dụng	
	Đất tại Điểm Trường Trũng Kè, Thôn Trũng Kè I	1	2.050,0			109,56	109,56	Đang sử dụng	
	Đất tại Điểm Trường Phú Khương	1	1.157,5			92,60	92,60	Bỏ trống , không sử dụng	
	Nhà	9		1.112,00	1.592,00	5.960,00	1.833,86		
	Dãy 6 phòng học phía Nam điểm Trung Tâm	1		208	416	1.200	384	Đang sử dụng	
	Dãy 2 phòng học phía Bắc điểm trường Trung Tâm	1		64	128	600	276	Đang sử dụng	
	Dãy 6 phòng học phía Bắc điểm trường Trung Tâm	1		208	416	1.200	413	Đang sử dụng	
	Dãy 3 phòng làm việc phía Đông điểm trường Trung Tâm	1		128	208	900	413	Đang sử dụng	
	Dãy 2 phòng học phía Nam điểm trường Trung Tâm	1		208	128	600	276	Đang sử dụng	

STT	Cơ quan, tổ chức/nhóm đơn vị	Số trụ sở làm việc	Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
	Nhà vệ sinh giáo viên điểm trường Trung Tâm	1		36	36	400	73	Đang sử dụng	
	Nhà vệ sinh học sinh điểm trường Trung Tâm	1		36	36	80	0	Đang sử dụng	
	Nhà vệ sinh học sinh điểm trường Trũng Kè	1		32	32	80	0	Đang sử dụng	
	Dãy 3 phòng học điểm trường Trũng Kè	1		192	192	900	0	Đang sử dụng	
2.6	Trường Tiểu học Hành Thiện	3	8.406,10	1.862,00	3.302,00	25.398,70	21.916,81		
	Đất	3	8.406,10			14.432,70	14.432,70		
	Điểm trường thôn Bàn Thới	1	3.494,00			5.241,00	5.241,00	Đang sử dụng	
	Sân chơi bãi tập	1	1.265,00			1.897,50	1.897,50	Đang sử dụng	
	Điểm trường Phú Lâm Tây	1	3.647,10			7.294,20	7.294,20	Đang sử dụng	
	Nhà	11		1.862,00	3.302,00	10.966,00	7.484,11		
	Phòng học Điểm Bàn Thới	1		540,00	1.080,00	4.358,00	2.963,44	Đang sử dụng	
	Phòng làm việc, phòng họp Điểm Bàn Thới	1		180,00	360,00	1.178,00	801,04	Đang sử dụng	
	Nhà xe học sinh Điểm Bàn Thới	1		80,00	80,00	150,00	69,96	Đang sử dụng	

STT	Cơ quan, tổ chức/nhóm đơn vị	Số trụ sở làm việc	Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
	Nhà xe giáo viên Điểm Bàn Thới	1		100,00	100,00	200,00	93,28	Đang sử dụng	
	Nhà vệ sinh điểm Bàn Thới	1		40,00	40,00	100,00	46,64	Đang sử dụng	
	Nhà trực Điểm Bàn Thới	1		12,00	12,00	50,00	23,32	Đang sử dụng	
	Phòng học Điểm Phú Lâm	1		540,00	1.080,00	3.452,00	2.485,44	Đang sử dụng	
	Phòng làm việc, phòng họp điểm Phú Lâm Tây	1		180,00	360,00	1.178,00	801,04	Đang sử dụng	
	Nhà xe học sinh điểm Phú Lâm Tây	1		60,00	60,00	100,00	53,31	Đang sử dụng	
	Nhà vệ sinh điểm Phú Lâm Tây	1		50,00	50,00	100,00	93,33	Đang sử dụng	
	Nhà xe giáo viên điểm Phú Lâm Tây	1		80,00	80,00	100,00	53,31	Đang sử dụng	
2.7	Trường THCS Hành Tín Đông	1	4.433,00	2.447,00	1.551,00	19.742,20	10.825,93		
	Đất	1	4.433,00	-	-	7.092,80	7.092,80		
	Đất tại Điểm Trường THCS Hành Tín Đông, Thôn Đồng Giữa, Xã Thiện Tín, Tỉnh Quảng Ngãi	1	3.662,00			7.092,80	7.092,80	Đang sử dụng	
	Trụ sở trường mở rộng thêm Trường THCS Hành Tín Đông		771,00						
	Nhà	7		2.447,00	1.551,00	12.649,40	3.733,13		

STT	Cơ quan, tổ chức/nhóm đơn vị	Số trụ sở làm việc	Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
	Dãy 17 phòng học và phần cải tạo lại năm 2013	1		1.352,00	676,00	2.309,59	565,33	Đang sử dụng	
	Nhà lý thuyết mới và phần cải tạo thành nhà hiệu bộ	1		440,00	220,00	4.571,36	2.377,11	Đang sử dụng	
	Nhà để xe cho học sinh	1		79,00	79,00	34,00	0	Đang sử dụng	
	Nhà đa năng	1		340,00	340,00	1.798,11	422,20	Đang sử dụng	
	Nhà lưu trú giáo viên	1		144,00	144,00	775,97	182,20	Đang sử dụng	
	Nhà để xe giáo viên	1		52,00	52,00	45,00	0	Đang sử dụng	
	Các nhà vệ sinh	1		40,00	40,00	3.115,36	186,30	Đang sử dụng	
2.8	Trường THCS Hành Tín Tây	1	3.607,50	904,00	1.520,00	8.125,00	3.807,32		
	Đất	1	3.607,50	-	-	2.525,00	2.525,00		
	1. Đất làm trụ sở làm việc tại thôn Đồng Miếu, Xã Hành Tín Tây, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi	1	3.607,50			2.525,00	2.525,00	Đang sử dụng	
	Nhà	5		904,00	1.520,00	5.600,00	1.282,32		
	Dãy 1 Trường THCS Hành Tín Tây	1		248,00	496,00	2.700,00	538,92	Đang sử dụng	
	Dãy 2 Trường THCS Hành Tín Tây	1		200,00	400,00	1.800,00	743,40	Đang sử dụng	
	Dãy 3 Trường THCS Hành Tín Tây	1		168,00	336,00	800,00	0	Đang sử dụng	

STT	Cơ quan, tổ chức/nhóm đơn vị	Số trụ sở làm việc	Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
	Nhà xe giáo viên trường THCS Hành Tín Tây	1		144,00	144,00	150,00	0	Đang sử dụng	
	Nhà xe học sinh trường THCS Hành Tín Tây	1		144,00	144,00	150,00	0	Đang sử dụng	
2.9	Trường THCS Hành Thiện	1	7.821,90	1.540,00	3.080,00	18.933,00	16.341,00		
	Đất	1	7.821,90	-	-	11.733,00	11.733,00		
	Thôn Bàn Thới	1	7.821,90			11.733,00	11.733,00	Đang sử dụng	
	Nhà	3		1.540,00	3.080,00	7.200,00	4.608,00		
	Dãy phòng phía Bắc (8 phòng)	1		514,00	1.028,00	2.400,00	1.536,00	Đang sử dụng	
	Dãy phòng phía Nam (8 phòng)	1		514,00	1.028,00	2.400,00	1.536,00	Đang sử dụng	
	Dãy phòng phía Tây (8 phòng)	1		512,00	1.024,00	2.400,00	1.536,00	Đang sử dụng	
2.10	UBND xã Hành Tín Đông (cũ)	2	2.370,50	0,00	1.622,00	7.174,14	5.466,03		
	Đất	2	2.370,50			3.887,30	3.887,30		
	Đất Nhà làm việc UBND xã Hành Tín Đông	1	1.977,00			3.163,26	3.163,26	Đang sử dụng	
	Đất Điểm trường MN Thiên Xuân	1	393,5			724,04	724,04	Sử dụng được, không sử dụng	
	Nhà	2		0,00	1.622,00	3.286,84	1.578,74		

STT	Cơ quan, tổ chức/nhóm đơn vị	Số trụ sở làm việc	Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
	Sửa chữa nhà làm việc Đảng ủy-Mặt Trận và các hội Đoàn thể xã Hành Tín Đông	1			434,00	600,00	504,00	Đang sử dụng	
	Nhà làm việc UBND xã Hành Tín Đông	1			1.188,00	2.686,84	1.074,74	Đang sử dụng	
2.11	UBND xã Hành Tín Tây (cũ)	3	11.584,10	0,00	805,00	9.676,20	8.183,43		
	Đất	3	11.584,10			2.212,37	2.212,37		
	Đất Trụ sở UBND xã Hành Tín Tây (cũ)	1	10.334,50			2.066,90	2.066,90	Đang sử dụng	
	Đội thuế xã Hành Tín Tây	1	89			17,80	17,80	Sử dụng được, không sử dụng	
	Điểm trường thôn mẫu giáo Gò Thổng, thôn Phú Khương (2)	1	1.160,6			127,67	127,67	Sử dụng được, không sử dụng	
	Nhà	1		-	805,00	7.463,83	5.971,06		
	Trụ sở UBND xã Hành Tín Tây	1			805,00	7.463,83	5.971,06	Đang sử dụng	
2.12	UBND xã Hành Thiện (cũ)	2	4.260,50	-	1.090,00	4.246,49	1.554,09		
	Đất	2	4.260,50			1.554,09	1.554,09		
	Đất Trụ sở UBND xã Hành Thiện	1	3.814,00			1.192,42	1.192,42	Đang sử dụng	
	Điểm trường Mẫu giáo thôn Phú Lâm Đông	1	446,50			361,67	361,67	Sử dụng được, không sử dụng	
	Nhà	2		-	1.090,00	2.692,41	-		

STT	Cơ quan, tổ chức/nhóm đơn vị	Số trụ sở làm việc	Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
	Nhà làm việc Đảng ủy xã Hành Thiện	1			225,00	276,62	0	Đang sử dụng	
	Nhà làm việc UBND xã Hành Thiện	1			865,00	2.415,78	0	Đang sử dụng	